

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM XUẤT  
KHẨU TRUNG SƠN HƯNG YÊN

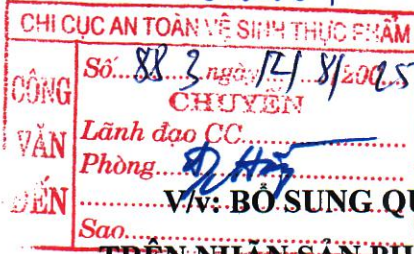
Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Số: 19/2025/ CV - TS HY

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 11 tháng 08 năm 2025



Kính gửi: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN

Chúng tôi là: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU TRUNG SƠN HƯNG YÊN

Địa chỉ: Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

(Nay là: Thôn Hành Lạc, Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam)

Hiện nay chúng tôi đã tự công bố phù hợp quy định cho sản phẩm:

STT	Tên sản phẩm	Số tự công bố	Ngày
01	GỪNG CẮT LÁT MÀU HỒNG (SUSHI PICKLED GINGER)	02/NAKAYAMA/2023	22/08/2023

+ Hiện tại Bộ Y Tế đã ban hành thông tư số 29/2023/TT-BYT có hiệu lực thi hành từ 15/2/2024: thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm nên công ty chúng tôi thông báo bổ sung thêm thông tin chi tiết tự công bố để phù hợp với yêu cầu hiện hành; đồng thời bổ sung thành phần dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm.

+ Trong hồ sơ tự công bố, chúng tôi có công bố các quy cách đóng gói khác nhau, tuy nhiên theo nhu cầu của thị trường nên chúng tôi bổ sung thêm quy cách đóng gói cho sản phẩm.

Nội dung thay đổi, bổ sung như sau:

STT	Tên sản phẩm	Mục thay đổi bổ sung	Nội dung cũ	Nội dung sau bổ sung
01	GỪNG CẮT LÁT MÀU HỒNG (SUSHI)	Mục IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm	Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;	Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: - Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;

PICKLED GINGER)		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An Toàn thực phẩm;</li> <li>- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa;</li> <li>- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 về nhãn hàng hóa;</li> <li>- Thông tư số 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;</li> <li>- QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/08/2011 của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;</li> <li>- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.</li> <li>- QCVN 8-2:2011/BYT: ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.</li> <li>- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.</li> <li>- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất số: 02/NAKAYAMA/2023-1</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An Toàn thực phẩm;</li> <li>- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa;</li> <li>- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 về nhãn hàng hóa;</li> <li>- Thông tư số 24/2019/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm;</li> <li>- QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/08/2011 của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm;</li> <li>- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.</li> <li>- QCVN 8-2:2011/BYT: ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.</li> <li>- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.</li> <li>- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất số: 02/NAKAYAMA/2023-1</li> <li>- Thông tư số 29/2023/TT-BYT: Thông tư Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm</li> </ul>
	Bổ sung Quy cách đóng gói:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng ráo nước: 750 g (75 g x 10 gói)/ bao; 750 g (15 g x 50 gói)/ bao; 750 g (7.5 g x 100 gói)/ bao</li> <li>- Khối lượng tịnh hỗn hợp: 1.2 kg (120 g x 10 gói)/ bao; 1 kg (20 g x 50 gói)/ bao; 1 kg (10 g x 100 gói)/ bao</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khối lượng ráo nước: 750 g (75 g x 10 gói)/ bao; 750 g (15 g x 50 gói)/ bao; 750 g (7.5 g x 100 gói)/ bao; 60 g/ gói; 80 g/ gói</li> <li>- Khối lượng tịnh hỗn hợp: 1.2 kg (120 g x 10 gói)/ bao; 1 kg (20 g x 50 gói)/ bao; 1 kg (10 g x 100 gói)/ bao; 100 g; 120 g; 1 kg (100 g x 10 gói)/ bao</li> </ul>

		Bổ sung thông tin dinh dưỡng trên nhãn sản phẩm	Không có	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đơn vị tính</th> <th>Giá trị trong 100 g</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Năng lượng</td> <td>kcal/100g</td> <td>10 ± 20%</td> </tr> <tr> <td>Chất đạm</td> <td>g/100g</td> <td>0.54 ± 20%</td> </tr> <tr> <td>Chất béo</td> <td>g/100g</td> <td>-</td> </tr> <tr> <td>Carbohydrat</td> <td>g/100g</td> <td>0.92 ± 20%</td> </tr> <tr> <td>Đường tổng số</td> <td>g/100g</td> <td>-</td> </tr> <tr> <td>Natri</td> <td>mg/100g</td> <td>1160 ± 20%</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trong 100 g	Năng lượng	kcal/100g	10 ± 20%	Chất đạm	g/100g	0.54 ± 20%	Chất béo	g/100g	-	Carbohydrat	g/100g	0.92 ± 20%	Đường tổng số	g/100g	-	Natri	mg/100g	1160 ± 20%
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trong 100 g																							
Năng lượng	kcal/100g	10 ± 20%																							
Chất đạm	g/100g	0.54 ± 20%																							
Chất béo	g/100g	-																							
Carbohydrat	g/100g	0.92 ± 20%																							
Đường tổng số	g/100g	-																							
Natri	mg/100g	1160 ± 20%																							

00  
 CÔP  
 CỒ  
 HẢ  
 UN  
 UN  
 H:

I/ Nội dung mẫu nhãn phụ dự kiến:

1. Tên sản phẩm: GỪNG CẮT LÁT MÀU HỒNG (SUSHI PICKLED GINGER)

2. Thành phần: Gừng (65%), nước, muối, chất điều chỉnh độ acid (acid acetic (INS 260), Acid citric (INS 330), acid malic (INS 296)), chất điều vị: monosodium glutamat (INS 621), chất bảo quản Potassium sorbat (INS 202), chất tạo ngọt nhân tạo: Sucralose (INS 955), màu thực phẩm nhân tạo: allura red (INS 129)

3. Khối lượng ráo nước:

4. Khối lượng tịnh hỗn hợp:

5. Thời hạn sử dụng:

Ngày sản xuất: 12 tháng trước hạn sử dụng

Ngày đóng gói: xem trên bao bì (dd/mm/yyyy)

Hạn sử dụng: xem trên bao bì (dd/mm/yyyy)

6. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn kèm với các món sushi, hoặc dùng chế biến các món ăn.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản lạnh ở nhiệt độ 2-8°C

7. Nguồn gốc nguyên liệu: Thái Lan

8. Sản xuất bởi: Công ty Cổ Phần Thực Phẩm xuất khẩu Trung Sơn Hưng Yên

Địa chỉ: Thôn Hành Lạc, Xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

9. Phân phối bởi: Chi nhánh công ty TNHH Thực Phẩm Nakayama tại Hà Nội

Địa chỉ: Số 27 Hoàng Cầu, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (02438) 571 571

10. Số tự công bố: 02/NAKAYAMA/2023

11. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng

Thông tin dinh dưỡng trong 100g sản phẩm

Chi tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trong 100 g
Năng lượng	kcal/100g	10 ± 20%
Chất đạm	g/100g	0.54 ± 20%
Chất béo	g/100g	-
Carbohydrat	g/100g	0.92 ± 20%
Đường tổng số	g/100g	-
Natri	mg/100g	1160 ± 20%





## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

**Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Trung Sơn Hưng Yên**

Thị trấn Như Quỳnh - Văn Lâm

Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22505130149-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00080566

Mã số Eol : 005-32410-463379  
 Tên mẫu : Gừng cắt lát màu hồng ( Sushi pickled ginger )  
 Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa  
 Ngày nhận mẫu : 14/05/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 19/05/2025  
 Thời gian thử nghiệm : 14/05/2025 - 20/05/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	1160
2	VDERJ VD (m) Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	0.92
3	VDYL7 VD (a) Chất béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498 (Ref. FAO Food 14/7-1986)	Không phát hiện (LOD=0.1)
4	VDS54 VD (a) Chất đạm	g/ 100 g	TCVN 10034:2013; ISO 1871:2009	0.54
5	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
6	VD9T0 VD (m) Năng lượng (bao gồm xơ dinh dưỡng)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	10.0

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung  
Giám đốc Chi nhánh Hà Nội



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 20/05/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 20/05/2025.

**Ghi chú giải thích**

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích. Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu để hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng. Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng. Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sack Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải [www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/](http://www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/). Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật. Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sack Ky Hai Dang xây dựng. Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ, ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm. Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sack Ky Hai Dang. (a) được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m) được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.

**EUROFINS SAC KY HAI DANG COMPANY LIMITED**

[1] HCMC laboratory: Lot E2b-3, Street D6, Sai Gon High-Tech Park, Thu Duc City, HCMC.

[2] Can Tho branch: KVIP, Tra Noc 2 IP, O Mon District, Can Tho City.

Web: [www.eurofins.vn](http://www.eurofins.vn)

Document number: EVN-P-AR-F03559

[3] Hanoi branch: 4F, B Building, 103 Van Phuc, Ha Dong District, Ha Noi.

Phone: (84.28) 7107 7879

Version: 10

Email: [VN01\\_ASM\\_HCMC@eurofinsasia.com](mailto:VN01_ASM_HCMC@eurofinsasia.com)

Effective date: 24/05/2023

